

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2019

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan

Bà Bùi Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27-3-2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST-HNGĐ ngày 13-12-2018 về việc tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-02-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11-3-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn D, sinh năm 1966;

Hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng A;

Địa chỉ: Số 2, phố H, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh L - Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh huyện G, tỉnh Hải Dương (Văn bản ủy quyền ngày 19-6-2014).

Người được ông Cao Thanh L ủy quyền lại: Ông Đoàn Văn L – Trưởng phòng Kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng A – Chi nhánh huyện G, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ: số 309, phố N, thị trấn Z, huyện G, tỉnh Hải Dương. (Văn bản ủy quyền ngày 18-12-2018).

Ông Đoàn Văn L vắng mặt.

4. *Người làm chứng*: Chị Hồ Thị K, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-12-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Ngô Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Hồ Văn D vào tháng 8 năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông D được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Do thời gian đã lâu nên bà đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà nghi ngờ ông D có quan hệ tình cảm không lành mạnh với người phụ nữ khác. Bản thân ông D thường xuyên uống rượu, mỗi lần uống rượu ông D lại chửi bới, đánh đập bà và đập phá các đồ đạc trong gia đình. Nhiều đêm bị ông D đánh, bà phải bỏ chạy sang nhà hàng xóm và nhà con gái để trốn. Về kinh tế, ông D quản lý toàn bộ tài sản và tiền bạc trong gia đình. Do vợ chồng mâu thuẫn nên từ cuối năm 2018, bà đã chuyển ra ngoài và thuê nhà trọ ở thôn P, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông D.

- Về con chung: Vợ chồng bà có ba con chung là Hồ Văn H, sinh năm 1989; Hồ Thị K, sinh năm 1991; Hồ Văn T, sinh năm 1995. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tài sản chung là một mảnh đất diện tích 200 m², thửa số 406, tờ bản đồ số 3, địa chỉ ở thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29 tháng 9 năm 2003 mang tên Hồ Văn D và Ngô Thị Q. Trên đất có nhà, công trình phụ và một số cây cối. Ngoài ra còn có 02 chiếc xe máy, một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như tivi, tủ lạnh. Bà đề nghị Tòa án chia đôi khối

tài sản chung, bà đề nghị được chia bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên và đề nghị được quản lý, sử dụng một chiếc xe máy. Các công trình, cây cối trên đất và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Năm 2015, vợ chồng bà thế chấp quyền sử dụng mảnh đất diện tích 200 m², thửa số 406, tờ bản đồ số 3, địa chỉ ở thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương để vay Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 150.000.000 đồng. Ngoài ra, vợ chồng không còn khoản nợ chung nào khác. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng. Ngày 17-01-2019, bà đã trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng là 21.111.000 đồng. Ngân hàng đã tiến hành xóa thế chấp đối với quyền sử dụng đất và trả lại bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q235632 do UBND huyện Gia Lộc cấp ngày 29-9-2003 mang tên Hồ Văn D và Ngô Thị Q.

Về ruộng canh tác: Tại đơn khởi kiện, bà đề nghị Tòa án chia ruộng canh tác của gia đình bà tại thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương theo suất ruộng mà bà được hưởng. Tại bản tự khai ngày 19-12-2018, bà xin rút yêu cầu chia ruộng canh tác.

Ngày 17-01-2019, bà Q có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hồ Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, ông và bà Q được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Do thời gian đã lâu nên ông đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng ông cũng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình. Khoảng năm 2018, gia đình ông bàn bạc xây nhà nhưng do vợ chồng mâu thuẫn về việc xây nhà nên đã xảy ra cãi nhau. Ông có chửi nhưng không đánh đập bà Q. Khoảng hai tháng nay, bà Q đã thuê nhà trọ ra ngoài ở, vợ chồng ông sống ly thân từ đó đến nay. Khi bà Q bỏ đi, ông cũng nhờ họ hàng đến gặp, bản thân ông cũng đã gọi điện thoại động viên bà Q về tiếp tục chung sống cùng ông nhưng bà Q không đồng ý. Nay bà Q có đơn khởi kiện xin ly hôn ông, ông không muốn bỏ bà Q mà muốn vợ chồng về đoàn tụ để các con sau này nếu lấy vợ còn có cả bố và mẹ, không bị mang tiếng với họ hàng. Nếu vợ chồng ông không có con thì ông đã đồng ý ly hôn từ lâu. Trường hợp bà Q vẫn cương quyết xin ly hôn, ông cũng xác định không còn tình cảm với bà Q nên để bà Q tự giải quyết theo ý bà Q, ông sẽ không đến Tòa án làm việc nữa.

- Về con chung: Vợ chồng ông có ba con chung như bà Q trình bày. Hiện các con đã trưởng thành nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông có khối tài sản chung là một mảnh đất diện tích 200 m², số thửa 406, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện Gia Lộc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn D và Ngô Thị Q vào năm 2003. Trên đất có các tài sản như: nhà, công trình phụ và một số cây cối. Ngoài ra còn có một số đồ dùng sinh hoạt như tivi, tủ lạnh,... Ngoài các tài sản này vợ chồng ông không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay Ngân hàng A - Chi nhánh huyện G số tiền 150 triệu đồng. Để vay số tiền này, vợ chồng ông phải thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 200 m², số thửa 406, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Ngày 17-01-2019, bà Q có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, ông hoàn toàn nhất trí và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày:

Ngân hàng A – Chi nhánh huyện G và vợ chồng ông D, bà Q ký Hợp đồng tín dụng số 1562.54/HĐTD ngày 09-7-2015. Ngân hàng cho vợ chồng ông D, bà Q vay 150.000.000đ, phương thức vay: Cho vay từng lần, mục đích vay: xây dựng chuồng trại chăn nuôi. Thời hạn vay 48 tháng, ngày trả nợ cuối cùng: 20-6-2019. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông D và bà Q đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên, vợ chồng ông D thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 406, tờ bản đồ số 3, địa chỉ ở thôn Đ, xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q235632 do UBND huyện G cấp mang tên ông D, bà Q.

Ngày 17-01-2019, bà Q đã trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng là 21.111.111 đồng. Ngân hàng đã tiến hành xóa thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 406, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m², địa chỉ: xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương và trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q235632 do UBND huyện G cấp ngày 29-9-2003 mang tên Hồ Văn D và Ngô Thị Q cho bà Q. Việc bà Q xin rút yêu cầu chia khoản nợ chung trên, Ngân hàng hoàn toàn nhất trí.

Kết quả xác minh tại UBND xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương, đại diện địa phương cung cấp: Bà Ngô Thị Q và ông Hồ Văn D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, bà Q và ông D có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Q trình bày là do ông D nhiều lần đánh đập, chửi bới bà Q. Thời gian gần đây, hai vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nên bà Q đã bỏ ra ngoài ở riêng. Ông D có nhờ người trong họ hàng nói chuyện, động viên bà Q về nhà nhưng bà Q không về. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để hai ông bà về đoàn tụ, nếu không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Xuân N là cán bộ tư pháp UBND xã X thời kỳ từ năm 1983 đến năm 1992 cung cấp: Khoảng năm 1987, bà Q và ông D có đến UBND xã X để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi xem xét các thủ tục cần thiết, UBND xã X đã tiến hành lập giấy tờ đăng ký kết hôn và vào sổ đăng ký kết hôn của xã. Sau khi kết hôn, bà Q và ông D được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Bà Q và ông D chung sống cùng nhau từ thời điểm đó đến nay. Quá trình chung sống, bà Q và ông D sinh được ba người con chung.

Chị Hồ Thị K là con đẻ của bà Q và ông D cung cấp: Trước khi đi lấy chồng, chị đã ở cùng với bố mẹ từ nhỏ. Quá trình chung sống, bố mẹ chị xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bố chị có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng giấu không cho ai biết. Khi gia đình chị phát hiện ra thì bố chị lại chửi bới, đánh đập mẹ chị, thậm chí còn đuổi mẹ chị ra khỏi nhà. Nhiều khi không có nguyên nhân gì bố chị cũng chửi bới, đánh đập mẹ chị. Khi chị đi lấy chồng, có lần gần nửa đêm bị bố đánh, mẹ chị đã gọi chị về để can thiệp nhưng bố chị đã đánh đuổi cả hai mẹ con chị. Việc bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn đã từ nhiều năm nay. Do không chịu đựng được cuộc sống chung với bố chị nên mẹ chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở trọ ở xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương từ tháng 8/2018 đến nay. Khi bố mẹ chị xảy ra mâu thuẫn, hai bên họ hàng cũng như hàng xóm có can thiệp, hòa giải nhưng bố chị vẫn không thay đổi tính nết. Đến Tết năm 2019, bố mẹ chị vẫn không về sum họp với nhau. Nay mẹ chị có đơn khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đơn của mẹ chị.

Tại phiên toà: Bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông D, không yêu cầu giải quyết về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho bà Q ly hôn ông D. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Trả lại bà Q số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồ Văn D được triệu tập hợp lệ hai lần đến phiên tòa mà vắng mặt, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D, ông L.

[2] Về hôn nhân: Bà Q và ông D chung sống với nhau từ năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Q nghi ngờ ông D có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ông D uống rượu, chửi bới, đánh đập bà. Ông D trình bày vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, ông có chửi nhưng không đánh đập bà Q. Khoảng hai tháng nay, bà Q đã thuê nhà trọ ra ngoài ở, vợ chồng ông đã sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân ông xác định không còn tình cảm với bà Q, nếu vợ chồng ông không có con thì ông đã đồng ý ly hôn từ lâu. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ nhưng bà Q vẫn kiên quyết xin ly hôn. Khi Tòa án triệu tập ông D đến tham gia phiên

hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông đều vắng mặt thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không có thiện chí, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho bà Q ly hôn ông D.

[2] Về con chung: Vợ chồng bà Q, ông D có ba con chung là Hồ Văn H, sinh năm 1989; Hồ Thị K, sinh năm 1991; Hồ Văn T, sinh năm 1995. Hiện cả ba con chung đã trưởng thành, bà Q và ông D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 17-01-2019, bà Q tự nguyện xin rút yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung, ông D và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A nhất trí nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[4] Về án phí: Bà Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; trả lại bà Q tiền tạm ứng án phí dân sự chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại Điều 147, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị Q ly hôn ông Hồ Văn D.
2. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn.

Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 1.550.000 đồng mà bà Q đã nộp theo biên

lai thu số AA/2017/0003512 ngày 11-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Bà Q đã nộp đủ án phí.

Trả lại bà Q số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí dân sự chia tài sản khi ly hôn bà Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003512 ngày 11-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh